



Lập trình iOS

Bài 4. *TableView*

Ngành Mạng & Thiết bị di động





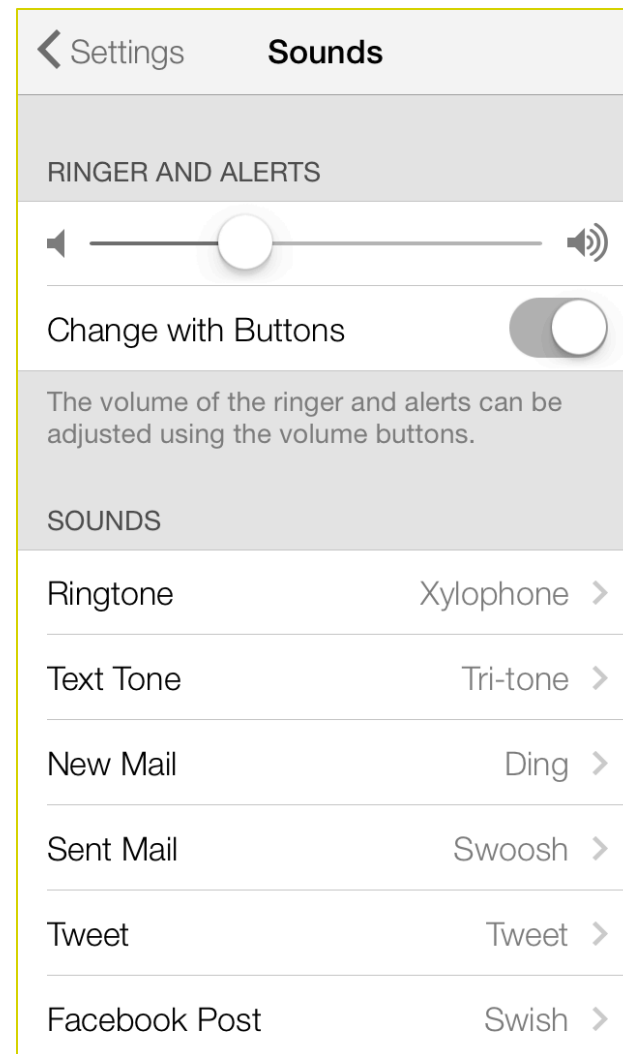
Nội dung

- 1. Giới thiệu TableView**
- 2. Khảo sát lớp UITableView**
- 3. Khảo sát UITableViewDelegate và UITableViewDataSource**
- 4. Xây dựng TableView**
- 5. Ví dụ**



1. Giới thiệu TableView

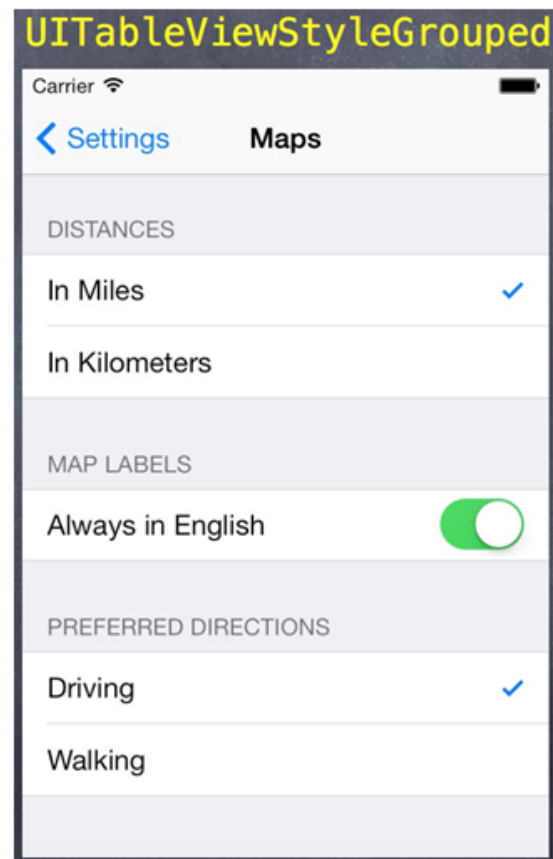
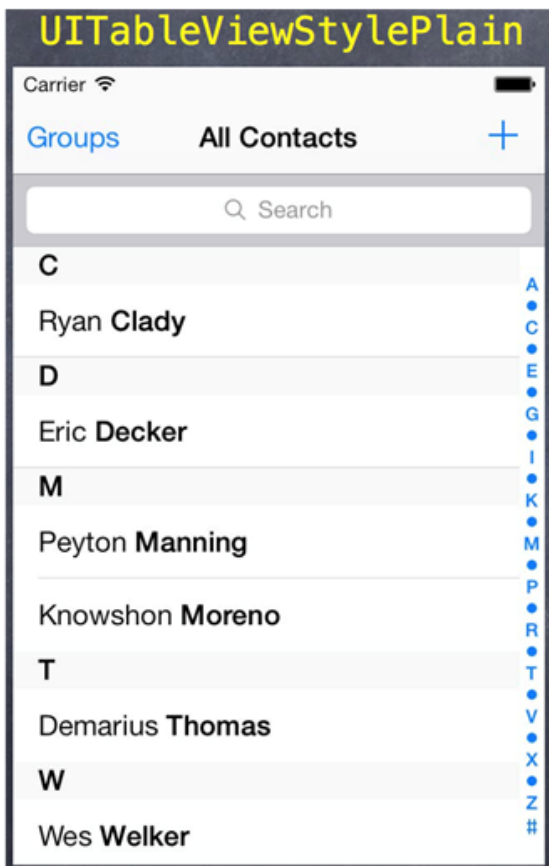
- ❑ TableView được sử dụng nhằm hiển thị danh sách các đối tượng. Thường mỗi đối tượng trên TableView sẽ có tiêu đề, hình ảnh và nội dung khác (nếu có).





1. Giới thiệu TableView

- ❑ Table view có hai dạng là Plain và Group.





Nội dung

1. Giới thiệu TableView
- 2. Khảo sát lớp UITableView**
3. Khảo sát UITableViewDelegate và UITableViewDataSource
4. Xây dựng TableView
5. Ví dụ



2. Khảo sát lớp UITableView

❑ Phương thức khởi tạo

- - **initWithFrame:style:** khởi tạo một table view với frame và style.

❑ Tùy chỉnh TableView

- **style:** thuộc tính chỉ đọc, cho biết loại table view.
- - **numberOfRowsInSection:** phương thức trả về số dòng có trong section truyền vào
- - **numberOfSections:** phương thức trả về số section hiện có trong table view
- **rowHeight:** thuộc tính quy định chiều cao mỗi dòng (table cell) trong table view
- **backgroundView:** thuộc tính nền của table view



2. Khảo sát lớp UITableView

❑ Tạo Table View Cell

- - **registerNib:forCellReuseIdentifier**: phương thức đăng ký một table view cell với một đối tượng thuộc UINib và mã tái sử dụng cell truyền vào
- - **registerClass:forCellReuseIdentifier**: phương thức đăng ký một lớp để sử dụng cho việc tạo cell với mã tái sử dụng cell truyền vào
- - **dequeueReusableCellWithIdentifier:forIndexPath**: phương thức cho phép lấy ra một table view cell có thể tái sử dụng với mã tái sử dụng cell truyền vào
- - **dequeueReusableCellWithIdentifier**: phương thức cho phép lấy ra một table view cell với mã tái sử dụng cell truyền vào



2. Khảo sát lớp UITableView

❑ Truy cập đến các cell và quản lý các lựa chọn

- - **cellForRowAtIndexPath**: phương thức này sẽ trả về cell tại vị trí truyền vào
- - **indexPathForCell**: phương thức trả về vị trí gồm dòng và section của cell truyền vào
- - **indexPathForSelectedRow**: phương thức trả về vị trí một dòng được chọn
- - **indexPathsForSelectedRows**: phương thức trả về một danh sách các vị trí của các dòng được chọn



Nội dung

1. Giới thiệu TableView
2. Khảo sát lớp UITableView
3. Khảo sát UITableViewDelegate và UITableViewDataSource
 - UITableViewDelegate
 - UITableViewDataSource
4. Xây dựng TableView
5. Ví dụ



3.1 Khảo sát lớp UITableViewDelegate

- - **tableView:heightForRowAtIndexPath:** phương thức định nghĩa chiều cao của dòng
- - **tableView:willSelectRowAtIndexPath:** phương thức này được gọi khi một ô chuẩn bị được chọn trên table view
- - **tableView:didSelectRowAtIndexPath:** phương thức này được gọi khi một ô đã được chọn trên table view
- - **tableView:viewForHeaderInSection:** Phương thức tùy chỉnh view hiển thị trong header của từng section trong table view
- - **tableView:viewForFooterInSection:** Phương thức tùy chỉnh view hiển thị trong footer của từng section trong table view



3.2 Khảo sát lớp UITableViewDataSource

- - **numberOfSectionsInTableView**: phương thức quy định số lượng section trong một table view
- - **tableView:numberOfRowsInSection**: phương thức quy định số dòng (row) trong một khu vực (section). **Bắt buộc phải triển khai**
- - **tableView:cellForRowAtIndexPath**: đây là phương thức chỉ định nội dung hiển thị trong từng ô của table view. **Bắt buộc phải triển khai**
- - **tableView:canEditRowAtIndexPath**: Phương thức chỉ cho biết dòng nào được phép chỉnh sửa trên table view
- - **tableView: commitEditingStyle: forRowAtIndexPath**: Phương thức thực hiện việc thêm và xóa một dòng trên table view. Để có thể thực hiện được cử chỉ trượt ngang để xóa một dòng trên table view, cần thực hiện phương thức này



Nội dung

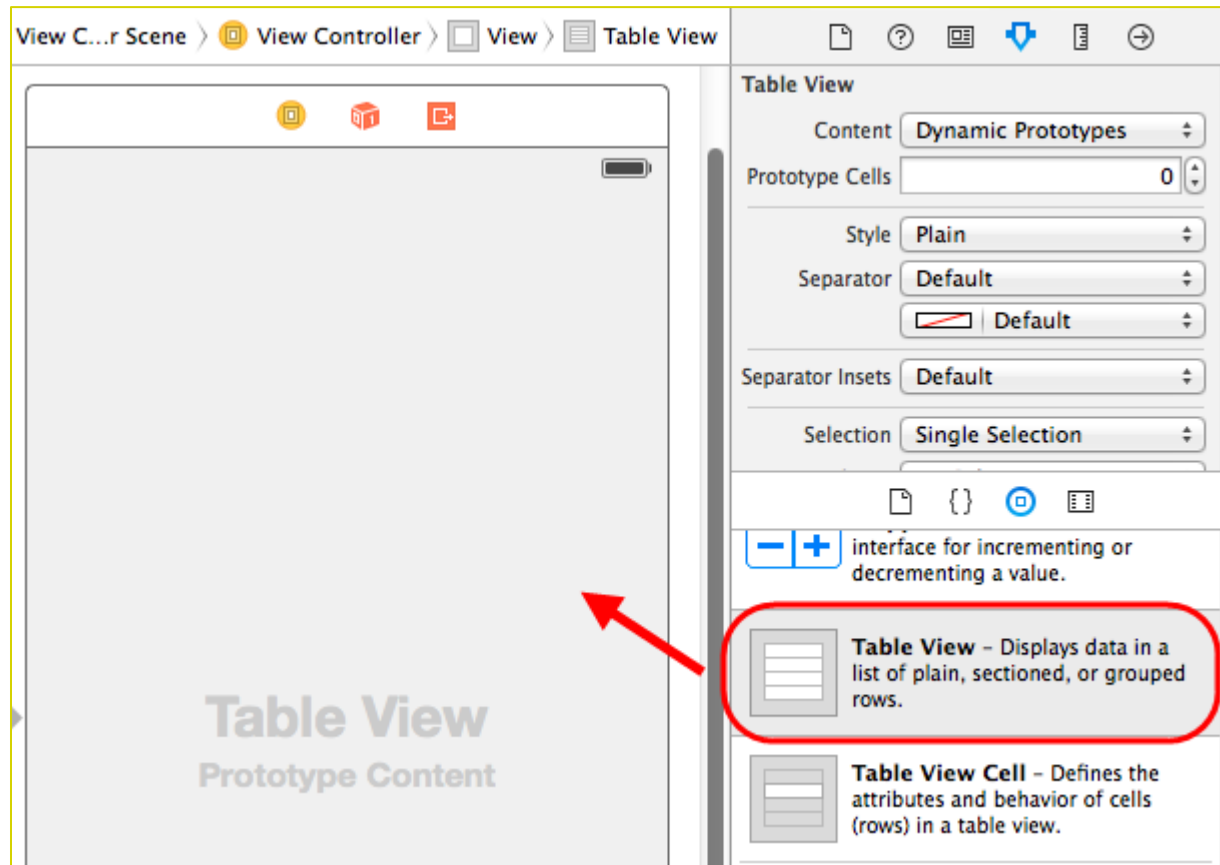
1. Giới thiệu TableView
2. Khảo sát lớp UITableView
3. Khảo sát UITableViewDelegate và UITableViewDataSource
4. Xây dựng TableView
5. Ví dụ



4. Xây dựng TableView

❑ Xây dựng Table View từ Interface Builder:

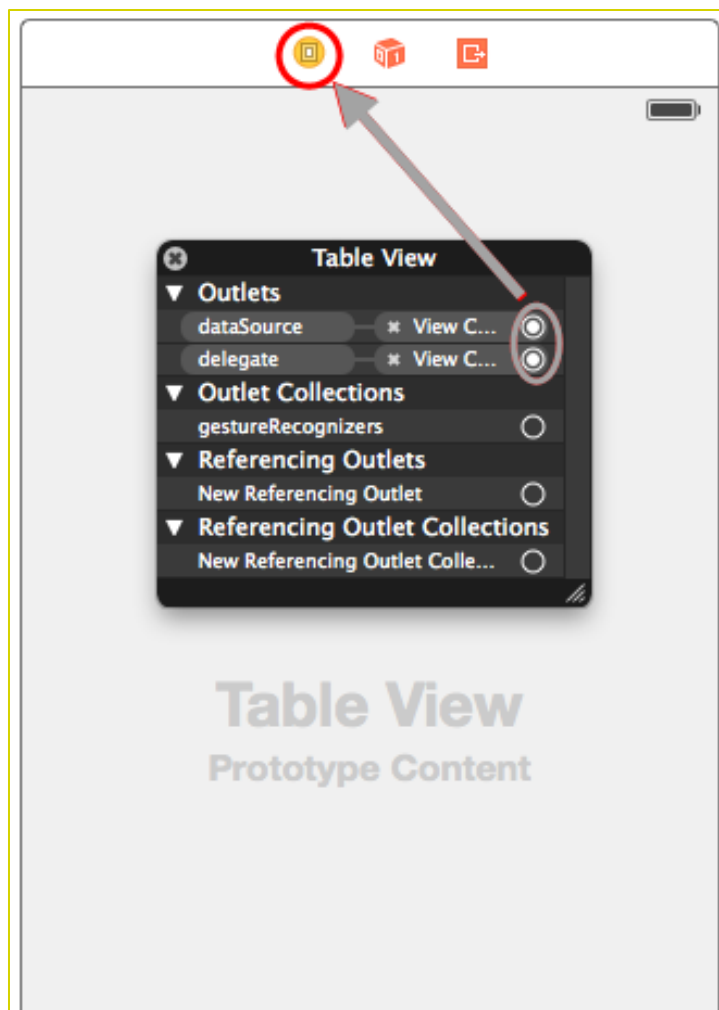
- Thực hiện kéo đối tượng Table View vào View Controller như hình bên dưới.





4. Xây dựng TableView

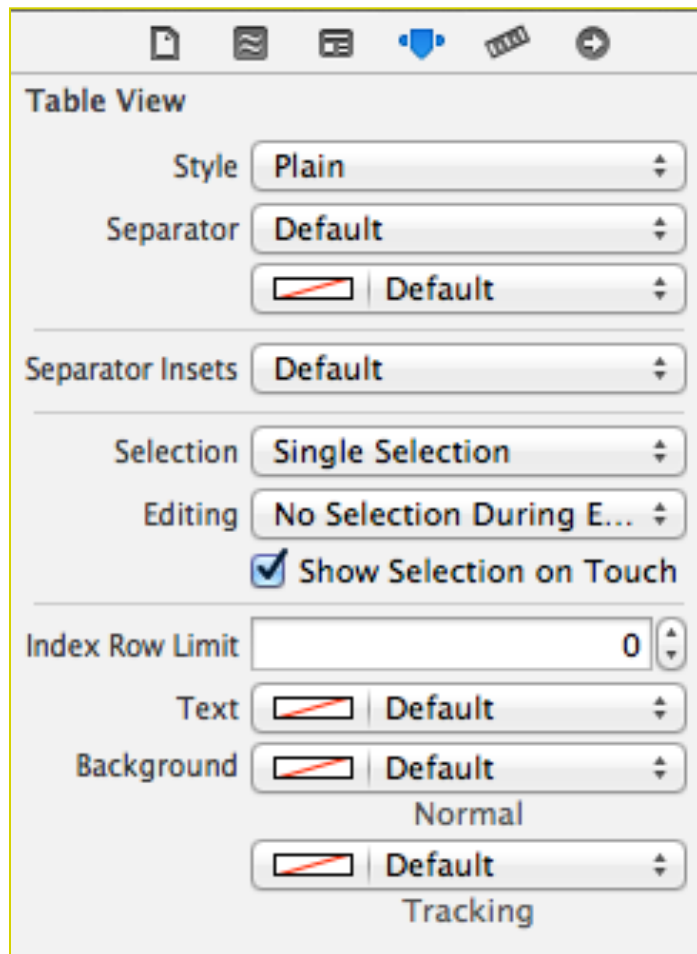
- Thiết lập delegate và dataSource.





4. Xây dựng TableView

- Thiết lập thuộc tính cho Table View.





4. Xây dựng TableView

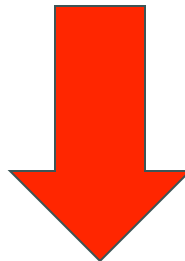
❑ Xây dựng Table View từ mã nguồn:

```
- (void)viewDidLoad {
    [super viewDidLoad];
    //lấy chiều cao và chiều rộng của view
    int width = self.view.frame.size.width;
    int height = self.view.frame.size.height;
    //khởi tạo tableView có chiều cao và rộng bằng với view
    UITableView *tableView = [[ UITableView
alloc]initWithFrame: CGRectMake(0, 0, width, height) style:
UITableViewStylePlain];
    //xét delegate cho table view
    tableView.delegate = self;
    //xét dataSource cho table view
    tableView.dataSource = self;
    //thêm table view vào view
    [self.view addSubview:tableView];
}
```




4. Xây dựng TableView

```
21     UITableView *tableView = [[ UITableView alloc]
        initWithFrame:CGRectMake(0, 0, width, height) style:
        UITableViewStylePlain];
22     tableView.delegate = self;
23     ⚠ Assigning to 'id<UITableViewDelegate>' from incompatible type 'ViewControll...
24     tableView.dataSource = self;
25     ⚠ Assigning to 'id<UITableViewDataSource>' from incompatible type 'ViewContr...
26     [self.view addSubview:tableView];
27
```



```
11 @interface ViewController ()<UITableViewDelegate,
    UITableViewDataSource>
12
13 @end
14
```



4. Xây dựng TableView

❑ Triển khai các phương thức :

- - **numberOfSectionsInTableView**: Có bao nhiêu Sections trong TableView, nếu không triển khai phương thức này thì mặc định sẽ là 1 section
- - **tableView:numberOfRowsInSection**: Mỗi Section có bao nhiêu Row. Phương thức này bắt buộc phải triển khai.
- - **tableView:cellForRowAtIndexPath**: Dữ liệu hiển thị trên từng cell. Phương thức này bắt buộc phải triển khai.



Nội dung

1. Giới thiệu TableView
2. Khảo sát lớp UITableView
3. Khảo sát UITableViewDelegate và UITableViewDataSource
4. Xây dựng TableView
5. Ví dụ



5. Ví dụ

- ❑ Tạo một Table View có 3 section. Trong đó, section 1 có 6 dòng, section 2 có 15 dòng, section 3 có 20 dòng. Mỗi dòng hiển thị số thứ tự của dòng và số thứ tự section tại dòng đó.

Dòng 0 - Section 0
Dòng 1 - Section 0
Dòng 2 - Section 0
Dòng 3 - Section 0
Dòng 4 - Section 0
Dòng 5 - Section 0
Dòng 0 - Section 1
Dòng 1 - Section 1
Dòng 2 - Section 1
Dòng 3 - Section 1
Dòng 4 - Section 1
Dòng 5 - Section 1

